

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-ST
Ngày: 02-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Bà Nguyễn Kim Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham dự phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T; địa chỉ: Tòa nhà Ngân hàng T, số 57 phố LTK, phường THĐ, quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Hoài D, sinh năm: 1981; Trú tại: tầng 8, số x, đường PDL, phường y, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền số 143/2018/GUQ-TPT2C ngày 12/6/2018). Có mặt.

Bị đơn: Bà Cao Bích L, sinh năm 1974; trú tại: Khu phố y, phường MP, thị xã BC, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2018, Bản tự khai đề ngày 05/6/2019 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên là ông Đỗ Hoài D trình bày:

Ngày 27/7/2016, giữa bà Cao Bích L và Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Ngân hàng T) có ký kết Hợp đồng cho vay số 66-07.16/HDTD/CLG với nội dung: Bà L vay của Ngân hàng Ngân hàng T số tiền 280.000.000 đồng; mục đích vay để mua xe tải (xe tải biển số 61C-221.17); thời hạn vay 60 tháng; Lãi suất áp dụng từ ngày nhận nợ đến ngày 27/7/2017 là 7,5%/năm, lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 27/7/2021 được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng T tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,15%/năm. Lãi suất thực tế áp dụng đối với Bà L từ thời điểm giải ngân đến ngày 25/7/2017 là 7,5%/năm, từ ngày 26/7/2017 đến nay là 11.45%/năm. Cùng ngày hai bên ký Hợp đồng thế chấp số 76-07.16/HDBD/CLG ngày 27/7/2016 để thế chấp xe tải biển số 61C-221.17.

Toàn bộ số tiền 280.000.000 đồng Ngân hàng T đã giải ngân cho Bà L vào ngày 27/7/2016. Sau khi hạch toán giải ngân thì ngày 27/7/2016 Bà L đã ký Ủy nhiệm chi, theo đó Ngân hàng T thực hiện theo lệnh Ủy nhiệm chi và chi trả toàn bộ số tiền 280.000.000 đồng mà Bà L đã vay sang cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Vận tải Ô tô TP ngay trong ngày 27/7/2016 với nội dung: “*Khách hàng chuyển tiền thanh toán xe ô tô tải Veam-VT200A MB theo HĐMB số 16307/TP/HĐMB-2016*”.

Thực hiện theo thỏa thuận thì Bà L phải thanh toán các khoản tiền nợ gốc và lãi theo từng kỳ được thỏa thuận tại hợp đồng vay. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 26/9/2016 Bà L chỉ thanh toán được số tiền gốc là 9.333.334 đồng và khoản tiền lãi là: 3.530.668 đồng. Sau đó cho đến nay Bà L không thanh toán thêm bất kỳ khoản nợ nào cho Ngân hàng T.

Nay Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán cho Ngân hàng T toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/8/2019) là 380.240.982 đồng, bao gồm toàn bộ khoản gốc là: 270.666.666 đồng và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 02/8/2019 là 109.574.316 đồng, trong đó tiền nợ lãi trong hạn là 56.569.607 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 53.004.709 đồng. Yêu cầu thanh toán ngay một lần ngay sau khi Quyết định, Bản án có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp bà Cao Bích L vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp đối với xe ô tô tải biển số 61C-221.17, số khung RN1D1B1C5GME00908, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải số 032413 do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/7/2016 cho bà Cao Bích L.

Bị đơn bà Cao Bích L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Bà L cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu, chứng cứ khác do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng là nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Về nội dung thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên là có cơ sở để chấp nhận một phần nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Cao Bích L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng cho vay số 66-07.16/HDTD/CLG mà các bên ký kết có thời hạn 60 tháng kể từ ngày 27/7/2016 đến ngày 26/7/2021. Tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 26/9/2016 Bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán là vi phạm Điều 13.3 của Hợp đồng cho vay số 66-07.16/HDTD/CLG được các bên ký kết. Do đó, nguyên đơn được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngày 27/7/2016, Ngân hàng T và bà Cao Bích L có ký kết Hợp đồng cho vay số 66-07.16/HDTD/CLG với nội dung: Bà L vay của Ngân hàng T số tiền 280.000.000 đồng; mục đích vay để mua xe tải (xe tải biển số 61C-221.17); thời hạn vay 60 tháng; Lãi suất thỏa thuận: từ ngày nhận nợ (27/7/2016) đến ngày 27/7/2017 là 7,5%/năm, lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 27/7/2021 được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng T tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,15%/năm. Lãi suất thực tế áp dụng đối với Bà L từ thời điểm giải ngân đến ngày 25/7/2017 là

7,5%/năm, từ ngày 26/7/2017 đến nay là 11.45%/năm. Cùng ngày, hai bên ký Hợp đồng thế chấp số 76-07.16/HDBD/CLG ngày 27/7/2016 để thế chấp xe tải biển số 61C-221.17. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 26/9/2016 Bà L đã thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền gốc là 9.333.334 đồng và tiền lãi là: 3.530.668 đồng. Từ sau ngày 26/9/2016 cho đến nay Bà L không thanh toán thêm bất kỳ khoản nợ nào cho Ngân hàng T. Do đó Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Bà L phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc là: 270.666.666 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 02/8/2019 là 109.574.316 đồng, trong đó tiền lãi trong hạn là 56.569.607 đồng, tiền lãi quá hạn là 53.004.709 đồng.

[3] Xét Hợp đồng cho vay số 66-07.16/HDTD/CLG: Hợp đồng cho vay số 66-07.16/HDTD/CLG ngày 27/7/2016 được hai bên ký kết trên cơ sở tự do tự nguyện, khi tham gia giao dịch các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của các thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng cho vay này có giá trị pháp lý, là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ và chịu sự ràng buộc với các điều khoản đã ký kết giữa hai bên.

[4] Xét Hợp đồng thế chấp số 76-07.16/HDBD/CLG ngày 27/7/2016: Bà Cao Bích L thế chấp xe tải biển số 61C-221.17 để vay của Ngân hàng T số tiền 280.000.000 đồng. Khi thế chấp các bên có tiến hành các thủ tục và đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền. Hợp đồng được hai bên tự nguyện ký kết khi có đủ năng lực hành vi dân sự. Mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng thế chấp này giữa bà Cao Bích L và Ngân hàng T có giá trị pháp lý và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1] Về số tiền nợ gốc: Tổng số tiền bị đơn vay của nguyên đơn theo Hợp đồng cho vay số 66-07.16/HDTD/CLG là 280.000.000 đồng. Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, lịch trả nợ, bảng chi tiết công nợ và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì thấy tính đến ngày 26/9/2016 Bà L mới thanh toán được cho Ngân hàng T số tiền gốc là 9.333.334 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhiều lần cho Bà L để tham gia tố tụng, tuy nhiên Bà L không đến và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc, nợ lãi đã và chưa thanh toán cho Ngân hàng T. Do đó, có căn cứ để khẳng định số tiền nợ gốc mà Bà L đã thanh toán được cho nguyên đơn là 9.333.334 đồng, số tiền nợ gốc mà Bà L còn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 270.666.666 đồng. Như vậy, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 270.666.666 đồng là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] Về số tiền nợ lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tính đến ngày 02/8/2019 với số tiền 109.574.316 đồng, trong đó tiền lãi trong hạn là 56.569.607 đồng, tiền lãi quá hạn là 53.004.709 đồng. Theo hợp đồng tín dụng và lịch trả nợ do nguyên đơn cung cấp thì trong thời hạn vay 60 tháng, Bà L có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo từng kỳ hạn, mỗi kỳ trả nợ tương đương 01 tháng. Mỗi kỳ trả nợ Bà L phải thanh toán 4.666.667 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc giảm dần. Trường hợp Bà L không thanh toán nợ gốc đúng hạn thì phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Lãi suất áp dụng đối với Bà L từ ngày 27/7/2016 đến ngày 27/7/2017 là 7,5%/năm, tương ứng lãi quá hạn là 11.25%/năm; từ ngày 28/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (02/8/2019) là 11.45%/năm, tương ứng lãi quá hạn là 17.18%/năm. Như vậy, số tiền lãi trong hạn phát sinh trên nợ gốc theo hợp đồng tín dụng và lịch trả nợ của Bà L từ ngày 27/7/2016 đến ngày 02/8/2019 là 59.134.300 đồng. Số tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc theo hợp đồng tín dụng và lịch trả nợ của Bà L từ ngày 27/8/2016 đến ngày 02/8/2019 là 43.519.283 đồng.

Theo nguyên đơn trình bày cùng những tài liệu kèm theo thì: Số tiền lãi trong hạn Bà L đã thanh toán là 3.530.667 đồng và số tiền lãi quá hạn Bà L đã thanh toán là 14.000 đồng. Bà L không tham gia tố tụng cũng không có văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp những tài liệu chứng minh về khoản tiền lãi Bà L đã thanh toán cho nguyên đơn do đó có căn cứ để khẳng định số tiền nợ lãi mà Bà L đã thanh toán được cho nguyên đơn: lãi trong hạn là 3.530.667 đồng, lãi quá hạn là 14.000 đồng. Như vậy: Số tiền nợ lãi trong hạn trên số tiền nợ gốc tạm tính đến ngày 02/8/2019 mà Bà L có nghĩa vụ thanh toán là: 59.117.127 đồng - 3.530.667 đồng = 55.596.460 đồng; Số tiền nợ lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán tạm tính đến ngày 02/8/2019 mà Bà L có nghĩa vụ thanh toán là: 43.519.283 đồng - 14.000 đồng = 43.504.643 đồng.

Xét về yêu cầu tính lãi và cách tính lãi của nguyên đơn: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bảng tính lãi do nguyên đơn cung cấp cho thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn phát sinh trên cả nợ gốc và nợ lãi. Hợp đồng cho vay số 66-07.16/HDTD/CLG giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào ngày 27/7/2016 nên đối chiếu theo khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì việc nguyên đơn xác định lãi, lãi suất là không phù hợp với quy định về lãi suất nên cần tính lại, cụ thể những khoản lãi được chấp nhận là: Lãi suất trong hạn phát sinh trên nợ gốc, lãi suất quá hạn phát sinh trên nợ gốc. Khoản nợ lãi không phát sinh thêm lãi. Lãi suất trong hạn tạm tính đến ngày 02/8/2019 là 55.596.460 đồng; lãi suất quá hạn tạm tính đến ngày 02/8/2019 là 43.504.643 đồng. Tổng cộng số tiền lãi Bà L có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn là

99.101.103 đồng. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần lãi suất vượt quá là 10.473.213 đồng so với yêu cầu thanh toán tiền lãi với số tiền 109.574.316 đồng.

[6] Đối với bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải biển số 61C-221.17 hiện nay Ngân hàng T đang nắm giữ, do đó Ngân hàng T phải trả lại cho Bà L sau khi Bà L thanh toán hết khoản tiền này cho Ngân hàng T.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, do đó bà Cao Bích L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

[9] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 156, 227, 266, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005 và Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005);

Căn cứ Điều 8 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đối với bị đơn bà Cao Bích L về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Cao Bích L phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền nợ gốc 270.666.666 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày 02/8/2019 là 99.101.103 đồng. Tổng cộng 369.767.769 đồng (ba trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm sáu mươi chín đồng).

Kể từ ngày 03/8/2019, bà Cao Bích L còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc thực nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 66-07.16/HDTD/CLG ngày 27/7/2016 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đối với bị đơn bà Cao Bích L đối với số tiền nợ lãi là 10.473.213 đồng.

3. Ngay sau khi bà Cao Bích L thanh toán hết tiền nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải biển số 61C-221.17, số 032413 do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/7/2016 cho bà Cao Bích L.

4. Nếu bà Cao Bích L vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án đối với xe ô tô tải biển số 61C-221.17, số khung RN1D1B1C5GME00908, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải số 032413 do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/7/2016 cho bà Cao Bích L.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Buộc bà Cao Bích L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

6. Về án phí:

Bị đơn bà Cao Bích L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.488.389 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 523.661 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0029887 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.391.307 đồng (bảy triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, ba trăm lẻ bảy đồng).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

